

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CHIHA CORP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CHIHA CORP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHIHA CORP GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CHIHA CORP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110698997

3. Ngày thành lập: 25/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 42 phố Trần Xuân Soạn, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916526767

Fax:

Email: chihaCorp.official@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn cao su; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
21.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
22.	Khai thác quặng sắt	0710
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không bao gồm tổ chức hợp báo)	8230
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)
25.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
26.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
27.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
28.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
29.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
30.	Quảng cáo	7310

31.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội thất	7410
32.	Bán buôn tổng hợp	4690
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
34.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.	0722
35.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm Chi tiết: Các hoạt động khai thác và chuẩn bị khai thác quặng kim loại quý như: vàng, bạc, bạch kim (không hoạt động tại trụ sở)	0730
36.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
37.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
38.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
39.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica..	0899
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
42.	Sản xuất rượu vang	1102
43.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
44.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
45.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
46.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
47.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
48.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
49.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
50.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
51.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
52.	Sản xuất giày, dép	1520
53.	In ấn (trừ các loại Nhà nước cấm)	1811
54.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
55.	Sao chép bản ghi các loại	1820
56.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở)	2023

57.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (không hoạt động tại trụ sở)	2100
58.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2592
59.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
60.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
61.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
62.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
63.	Sản xuất đồng hồ	2652
64.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
65.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
66.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
67.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
68.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
69.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
70.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
71.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
72.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4791
74.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
76.	Bốc xếp hàng hóa	5224
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
79.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
80.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
81.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
82.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
83.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
84.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
85.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
86.	Đại lý du lịch	7911
87.	Điều hành tua du lịch	7912

88.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
89.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
90.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
91.	Xây dựng nhà để ở	4101
92.	Xây dựng nhà không để ở	4102
93.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
94.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
95.	Xây dựng công trình điện	4221
96.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
97.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
98.	Phá dỡ	4311
99.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ Dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)	4312
100.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
101.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
102.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
103.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
104.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
105.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 6.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG	P212-C1 tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.0 00	15.000.000.000	25,000	0011870123 28	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.500.0 00	15.000.000.000	25,000		
2	LÊ MINH TIẾN	Số 8 ngõ 81 phố Tô Vĩnh Diện, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.0 00	15.000.000.000	25,000	0380720371 26	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.500.0 00	15.000.000.000	25,000		

3	TRẦN PHƯƠNG NGÂN	Số 6 phố Hồ Xuân Hương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.0 00	30.000.000.000	50,000	0011870078 36
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.000.0 00	30.000.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/07/1987

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001187012328

Ngày cấp: 29/10/2018

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: P212-C1 tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P212-C1 tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: TRẦN PHƯƠNG NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 02/04/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001187007836

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 6 phố Hồ Xuân Hương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 6 phố Hồ Xuân Hương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội